

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-04-2021

V/v Ly hôn giữa chị L và anh L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Hùng Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1993; Trú tại: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Bị đơn: Anh Phan Nhật L, sinh năm 1991; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2014, do quen biết, tìm hiểu, chị Trần Thị Trúc L và anh Phan Nhật L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh L không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị L xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Phan Nhật Trúc A, sinh ngày

25/4/2015. Hiện cháu Trúc A đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được giành quyền nuôi cháu Trúc A cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phan Nhật L trình bày: Anh L thống nhất lời trình bày của chị Trần Thị Trúc L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh xác định trước đây là vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhưng đã hàn gắn. Đến năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng sống ly thân thì anh không biết. Nay anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh L đồng ý giao cháu Trúc A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Xác định không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc L và anh Phan Nhật L.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Nhật Trúc A, sinh ngày 25/4/2015 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trúc A 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Anh tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Chị L và anh L xác định không có.

Về nghĩa vụ chung: Chị L và anh L xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị L và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh L không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi. Theo anh L là vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Thời gian sống ly thân, vợ chồng thừa nhận không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị L đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa, chị L cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh L, anh L đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung: Cháu Phan Nhật Trúc A, sinh ngày 25/4/2015. Tại phiên tòa, chị L và anh L thống nhất thỏa thuận, giao cháu Trúc A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021. Đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[2.3] *Về tài sản chung:* Chị L và anh L xác định không có.

[2.4] *Nghĩa vụ chung:* Chị L và anh L xác định không có.

[3] *Án phí:* Nguyên đơn chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc công nhận nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc L và anh Phan Nhật L là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc L và anh Phan Nhật L.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Phan Nhật Trúc A, sinh ngày 25/4/2015 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trúc A 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Anh tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho anh L, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh L.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. Về chia tài sản chung: Chị L và anh L xác định không có.

4. Về nghĩa vụ chung: Chị L và anh L xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013527 ngày 25 tháng 12 năm 2020. Công nhận chị L đã nộp xong.

Buộc bị đơn anh Phan Nhật L phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

Các đương sự quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thới Xuân;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng